

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 12 - 2025

V/v: Yêu cầu không công nhận vợ
chồng; Tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng; tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh A, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D T, tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Ngô Việt T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số F T, tổ dân phố A, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thanh A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Ngô Việt T có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau vào năm 2024, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đã không còn sống chung từ tháng 11/2025 cho đến nay. Do không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Lê Phương V, sinh ngày 15/12/2024. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu

cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, bà đang kinh doanh thực phẩm, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng, có đủ thời gian và điều kiện kinh tế để chăm sóc tốt cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Việt T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà A về thời gian sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Từ tháng 11/2025 đến nay, ông và bà A đã không còn sống chung với nhau. Do ông và bà A sống chung nhưng không đăng ký kết hôn nên ông đồng ý với yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà A là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà A có 01 con chung tên Lê Phương V, sinh ngày 15/12/2024. Ông đồng ý giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh A.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Thanh A và ông Ngô Việt T là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Phương V, sinh ngày 15/12/2024 cho bà Lê Thị Thanh A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Ngô Việt T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà A không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, nuôi con chung với bị đơn ông Ngô Việt T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1, 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Ngô Việt T có địa chỉ cư trú ở phường P, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh A, bị đơn ông Ngô Việt T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh A và ông Ngô Việt T chung sống với nhau vào năm 2024, có với nhau 01 người con chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ tháng 11/2025 đến nay, bà A và ông T không còn sống chung với nhau. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”*. Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*.

Căn cứ theo quy định của pháp luật được viện dẫn nêu trên, bà A và ông T sống chung với nhau từ năm 2024 đến năm 2025 nhưng không đăng ký kết hôn, nên bà A yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với ông T, đồng thời ông T cũng đồng ý với yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà A nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà A và ông T có 01 con chung tên Lê Phương V, sinh ngày 15/12/2024. Xét yêu cầu được nuôi con của bà A thấy rằng: Cháu Lê Phương V, sinh ngày 15/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm mới chỉ hơn 01 tuổi, ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét ý kiến của các đương sự về việc nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử giao

con cháu Lê Phương V, sinh ngày 15/12/2024 cho bà Lê Thị Thanh A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Căn cứ vào khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Thanh A và ông Ngô Việt T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Thanh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Phương V, sinh ngày 15/12/2024. Ông Ngô Việt T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà Lê Thị Thanh A không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003917 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Lê Thị Thanh A đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ Bản án ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường Đông Hải;
- UBND phường Phan Rang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Dung

